

Bản án số: 07/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 02 - 02 - 2026

Về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kỳ

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên.

- Đại diện VKSND Khu vực 2 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2025/ TLST- HN&GD ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXX-ST ngày 22/01/2026, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố Giã Thù 2, phường V X, tỉnh Thái Nguyên.

+ **Bị đơn:** Anh **Hoàng Văn S**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố Giã Thù 2, phường VX, tỉnh Thái Nguyên.

(*Có mặt các bên đương sự*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn S kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường VX, tỉnh Thái Nguyên) trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S thường xuyên tụ tập bạn bè về nhà rượu chè sau đó lại mắng chửi vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh S nhưng anh không hề thay đổi, vẫn không tu chí làm ăn và quan tâm gia đình, con cái tuy

nhiên vì thương các con nên chị vẫn cố gắng chịu đựng để tiếp tục chung sống với anh S còn cuộc sống chung không hề cải thiện. Mâu thuẫn trở nên đỉnh điểm vào tháng 9/2025, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, anh S cũng có hành động dọa nạt và bạo lực đối với chị. Sau khi sự việc xảy ra, bên nhà bố mẹ đẻ chị và bên nhà anh S có ông chú đã sang bên nhà để động viên, hòa giải cho anh chị nhưng chị xác định đến thời điểm này chị không thể chịu đựng được nữa nên đã quyết định chuyển ra ngoài ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, anh S cũng không có động thái gì về việc khuyên bảo, động viên chị về đoàn tụ gia đình. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đã làm đơn xin ly hôn anh S tại Tòa án. Quá trình giải quyết, anh S cũng không có thiện chí trong việc giải quyết ly hôn đối với chị nên chị giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 04 con chung là Hoàng Thị Bích H, sinh ngày 09/4/2005, Hoàng Thị L, sinh ngày 12/5/2008, Hoàng Minh N, sinh năm 21/3/2011 và Hoàng Minh T sinh ngày 21/5/2020. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Hoàng Thị L và Hoàng Minh T; đề nghị anh S nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh N và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung và khoản cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Hoàng Văn S trình bày tại phiên toà:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn anh nhất trí như chị H trình bày là đúng.

Tại phiên toà anh xác định vợ chồng chung sống nhiều năm không tránh khỏi xô xát, cãi vã và không cùng quan điểm với nhau. Anh thừa nhận có những lúc anh do công việc nên anh có tụ tập bạn bè về nhà ăn uống, sau đó lại uống rượu nên khiến chị H khó chịu và vợ chồng to tiếng với nhau. Trong lúc đó anh cũng có lúc không kiềm chế được mà có hành động mắng chửi chị H. Thời gian trước, có lần anh nói với chị H là đi làm các công việc của nhà nông cùng gia đình thì chị H không đồng ý và nói rằng đi làm công ty đã mệt rồi nên vợ chồng cũng đã có những khúc mắc, cãi cọ nhau gây sứt mẻ tình cảm gia đình, tuy nhiên anh và chị H vẫn chung sống với nhau. Mâu thuẫn trở nên căng thẳng là thời điểm tháng 9/2025, giữa anh và chị H xảy ra việc cãi vã, mâu thuẫn và đã được hai bên gia đình đứng ra can thiệp, hòa giải cho anh chị, nhưng không hiểu lý do gì chị H bỏ nhà đi và có nhắn tin nói với anh là sẽ bỏ ra ngoài ở, không chung sống cùng với anh nữa. Tuy nhiên anh thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng như thế là không có gì to tát nên khi chị H bỏ đi anh cũng chưa lần nào lên đón chị H về chung sống cùng gia đình. Anh không đánh đuổi chị H, là do chị H tự ý đi thì tự về được. Anh cũng có gọi điện cho chị H nhưng chị H không nghe máy nên anh không gọi nữa.

Nay chị H làm đơn ly hôn anh có quan điểm là chị H tự đi thì tự về, anh không bỏ vợ nên không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 04 con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn anh đồng ý với ý kiến của chị H, anh sẽ nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh N, sinh ngày 21/3/2011, để chị H nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị L sinh ngày 12/5/2008 và Hoàng Minh T sinh ngày 21/5/2020 và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết. Về nợ chung và khoản cho vay chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải tuy nhiên anh S dù được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không có mặt; chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, nuôi con chung, do vậy phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh S, chị xác định không còn tình cảm, anh S nhiều lần cũng đã hứa thay đổi nhưng đều không thể thực hiện được và cuộc sống chung không hề được cải thiện, do vậy chị xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ vì chị không tin vào anh S nữa; về việc nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: chị vẫn giữ nguyên đề nghị như đã trình bày tại bản tự khai và các biên bản hòa giải và ý kiến trình bày tại phiên tòa; Phía anh S vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn, xác định vẫn muốn giữ gia đình cho các con. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nam, để chị H nuôi cháu Linh và cháu Tuấn. Tài sản chung, nợ chung: Anh vẫn giữ nguyên ý kiến như lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND khu vực 2 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn anh S.*

+ *Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao con chung Hoàng Thị L sinh ngày 12/5/2008 và Hoàng Minh T sinh ngày 21/5/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Hoàng Minh N sinh ngày 21/3/2011 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.*

Con chung Hoàng Thị Bích H, sinh ngày 09/4/2005 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.*

+ *Về khoản nợ chung: Không có, không xem xét.*

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hà Thị H khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Hoàng Văn S có đăng ký nhân khẩu thường trú tại TDP Giã Thù 2, phường VX, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 3, 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng Dân sự số 81 ngày 25/6/2025 xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Hoàng Văn S tự nguyện kết hôn năm kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường VX, tỉnh Thái Nguyên) ngày 27/11/2003, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được 04 người con chung, hai trai, hai gái. Kể từ khoảng năm 2015 anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày do anh S thường xuyên tụ tập rượu chè, không tu chí làm ăn và quan tâm đến gia đình, vợ con nên từ đó vợ chồng đã nảy sinh nhiều bất đồng, cãi vã. Sau nhiều lần tranh cãi tình cảm của vợ chồng trở nên rạn nứt, chỉ vì những phát sinh nhỏ mà thường xuyên xích mích với nhau, có lúc anh S còn có hành vi bạo lực đối với chị. Khoảng tháng 9/2025, sau nhiều lần xô xát, cãi vã chị quyết định chuyển ra ngoài và chính thức sống ly thân với anh S. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin được ly hôn anh S. Phía anh S thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng, tuy nhiên vợ chồng nào cũng có lúc xô xát, cãi vã nên anh mong chị vì con cái mà suy nghĩ lại và đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ để con cái có bố có mẹ. Tại phiên tòa, HĐXX cũng đã đề cho anh chị tự hòa giải với nhau và cũng đã phân tích cho các đương sự về các quy định của pháp luật, tuy nhiên cả chị H và anh S đều không thay đổi quan điểm. Chị H vẫn cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không

có hạnh phúc và không thể đoàn tụ vợ chồng được vì thực sự chị không còn tình cảm gì với anh S nữa.

HĐXX thấy rằng, nguyện vọng xin đoàn tụ vợ chồng của anh S là chính đáng, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án toà án đã nhiều lần triệu tập anh S đến làm việc nhưng anh S không đến Toà án để thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, điều đó thể hiện sự không tôn trọng và chấp hành pháp luật của anh S, cũng như sự không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị và cũng không muốn níu kéo quan hệ vợ chồng. Tại phiên toà xét xử vụ án anh S có mặt, bản thân anh S cũng có quan điểm cho rằng không có phương án nào để chị H quay về đoàn tụ với anh, anh không thể hiện hành động nào để níu kéo chị H. Bản thân chị H cả quá trình giải quyết và tại phiên tòa đều giữ nguyên quan điểm cương quyết xin được ly hôn, mặc dù đã được Tòa án phân tích, hòa giải, động viên, điều đó cho thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S đã hết, vợ chồng không có cơ hội để đoàn tụ vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau”*. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh S đã không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ công việc trong gia đình, trên thực tế, anh chị không chung sống với nhau từ tháng 9/2025 cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ chung sống với nhau từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 04 con chung là Hoàng Thị Bích H, sinh ngày 09/4/2005, Hoàng Thị L, sinh ngày 12/5/2008, Hoàng Minh N, sinh năm 21/3/2011 và Hoàng Minh T sinh ngày 21/5/2020. Hiện cháu Hiền đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên các đương sự không yêu cầu giải quyết. Tòa án cũng đã tiến hành cho cháu L và cháu N viết bản trình bày nguyện vọng thì cháu L có nguyện vọng ở cùng với mẹ, cháu N có nguyện vọng ở cùng với bố. Cháu Hoàng Minh T còn nhỏ và thực tế cũng đang sống cùng với chị H từ khi anh chị ly thân cho đến nay. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên và cũng phù hợp với cuộc sống thực tế cũng như nguyện vọng của con chung nên HĐXX xét thấy cần giao con chung là cháu Hoàng Minh N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Hoàng Thị L, Hoàng Minh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị H, anh S xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh chị không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị H chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng Dân sự số 81 ngày 25/6/2025; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 3, 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Hà Thị H với anh Hoàng Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị L, sinh ngày 12/5/2008 và Hoàng Minh T sinh ngày 21/5/2020 cho chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Hoàng Minh N, sinh ngày 21/3/2011 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Đối với con chung Hoàng Thị Bích H, sinh ngày 09/4/2005 hiện đã trưởng thành (từ đủ 18 tuổi, lao động tự túc được) nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

3. Tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh S xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết; về công nợ chung không có nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã theo biên lai thu số 0002722 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bên đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV2 - TN;
- Phòng THADS KV2 - TN;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND phường VX;
- Các Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thị Bích Ngọc

